



Report N°: 0001162232

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: November 04, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 04/11/2025

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2510A-6261

Đơn hàng: 2510A-6261

CLIENT'S NAME : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : **SỐ 8 KHU A - TT 2 HIM LAM, VẠN PHÚC, HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI**
Địa chỉ

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Client**
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : **Thực phẩm dinh dưỡng y học Sữa dinh dưỡng pha sẵn**
Chú thích của khách hàng : **Nutricare Gold**

Sampling date : 27/10/2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Nutritional product (approx. gr. wt. 0.5kg) in 02 full labeled paper**
Mô tả mẫu : **containers**
: Sản phẩm dinh dưỡng (khoảng 0.5kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật
chứa bằng giấy nhãn mác đầy đủ

Sample ID : **2510A-6261.001**
Mã số mẫu

Date sample(s) received : **October 28, 2025**
Ngày nhận mẫu : 28/10/2025

Testing period : **October 28, 2025 - November 03, 2025**
Thời gian thử nghiệm : 28/10/2025 - 03/11/2025

Test(s) requested : **As applicant's requirement**
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : **Please refer to the next page(s)**
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0001162232

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total sugars (sum of Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose and Sucrose) <i>Đường tổng (tổng của Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose, và Sucrose)</i>	ISO 22184:2021 (IDF 244:2021)	7.59	_(a)	_(a)	g/100mL	
2. Fructose <i>Fructose</i>	ISO 22184:2021 (IDF 244:2021)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100mL	
3. Galactose <i>Galactose</i>	ISO 22184:2021 (IDF 244:2021)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100mL	
4. Glucose <i>Glucose</i>	ISO 22184:2021 (IDF 244:2021)	<0.1	0.03	0.1	g/100mL	
5. Lactose <i>Lactose</i>	ISO 22184:2021 (IDF 244:2021)	2.17	0.03	0.1	g/100mL	
6. Maltose <i>Maltose</i>	ISO 22184:2021 (IDF 244:2021)	0.332	0.03	0.1	g/100mL	
7. Sucrose <i>Sucrose</i>	ISO 22184:2021 (IDF 244:2021)	5.09	0.03	0.1	g/100mL	

100114
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



VILAS 237



Report N°: 0001162232

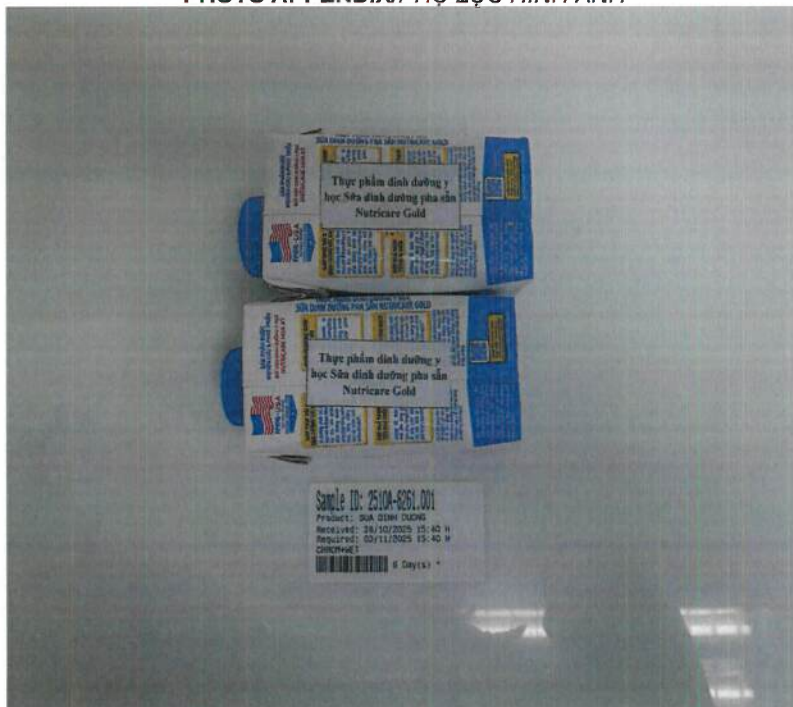
Page N° 3/4

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

- _(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
- _(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
 HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
 Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein. This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



SGS

Report N°: 0001162232

Page N° 4/4

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)



Võ Ngọc Ánh
Trưởng phòng Thử nghiệm Vi sinh
và Sinh học Phân tử



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thành Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải I, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 3013/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu: Thực phẩm dinh dưỡng y học Sữa dinh dưỡng pha sẵn Nutricare Gold
- Mã số mẫu: 0125236/DV.2
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong hộp kín, 200 mL/hộp. Tên mẫu viết tay dán trên hộp. Số lượng: 2. NSX: Không có - HSD: Không có
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 07/01/2025
- Thời gian thử nghiệm: 07/01/2025 - 20/01/2025
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
Địa chỉ: Số 5 ngõ 9/76 Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Enterobacteriaceae	CFU/mL	ISO 21528-2:2017	KPH (LOD: 1)
9.2*	Listeria monocytogenes	CFU/mL	ISO 11290-2:2017	KPH (LOD: 1)
9.3*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007)
9.4*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.5*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.6*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.7*	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	NIFC.04.M.032 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,01)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2025

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



Report N°: 0001225362

Page N° 1/10

Ho Chi Minh City, Date: December 15, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 15/12/2025

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2512A-0461

Đơn hàng: 2512A-0461

CLIENT'S NAME : NUTRICARE NUTRITION JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

CLIENT'S ADDRESS : NUTRICARE FACTORY NO. 2, THUAN THANH 3 INDUSTRIAL PARK, TRI
Địa chỉ : QUA WARD, BAC NINH PROVINCE
NHÀ MÁY NUTRICARE SỐ 2, KCN THUẬN THÀNH 3, PHƯỜNG TRÍ QUẢ, TỈNH BẮC NINH

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Thực phẩm dinh dưỡng y học Sữa dinh dưỡng pha sẵn
Chú thích của khách hàng : Nutricare Gold

NSX : 161025
HSD : 161026
Sampling date : 01.12.2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Nutritional product (approx. gr. wt. 0.9kg) in 04 full labeled paper
Mô tả mẫu : containers
: Sản phẩm dinh dưỡng (khoảng 0.9kg bao gồm bao bì) chứa trong 04 vật
chứa bằng giấy nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2512A-0461.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received : December 02, 2025
Ngày nhận mẫu : 02/12/2025

Testing period : December 02, 2025 - December 13, 2025
Thời gian thử nghiệm : 02/12/2025 - 13/12/2025

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0001225362

Page N° 2/10

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
1. Crude protein <i>Đạm thô</i>	ISO 8968-1:2014 (IDF 20-1:2014)	3.86	0.03	0.1	g/100mL	N x 6.38
2. Carbohydrate (not including dietary fiber) <i>Carbohydrat (không bao gồm xơ)</i>	AOAC 2020.07	14.79	0.05	0.18	g/100mL	not incl. polyols & Note (2)
3. Energy (Viet Nam (VN) market) <i>Năng lượng (Thị trường Việt Nam)</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(*)	106	-	-	kcal/100mL	
4. Chloride <i>Hàm lượng clorua</i>	ISO 21422:2018 (IDF 242:2018)	101	3	10	mg/100mL	
5. Sum of Leucine, Isoleucine, and Valine <i>Tổng của Leucine, Isoleucine và Valine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	802	_(a)	_(a)	mg/100mL	
6. Alanine <i>Alanine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	160	0.15	0.45	mg/100mL	
7. Arginine <i>Arginine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	182	0.3	0.9	mg/100mL	
8. Aspartic acid (including Asparagine) <i>Axit aspartic (bao gồm Asparagin)</i>	LFOD-TST-SOP-8512	394	0.2	0.7	mg/100mL	
9. Cystine (sum of Cystine and Cysteine, expressed as Cystine) <i>Cystine (tổng của Cystine và Cysteine, quy về Cystine)</i>	LFOD-TST-SOP-8512	29	0.2	0.6	mg/100mL	
10. Glutamic acid (including Glutamine) <i>Axit glutamic (bao gồm Glutamin)</i>	LFOD-TST-SOP-8512	914	0.25	0.75	mg/100mL	
11. Glycine <i>Glycine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	113	0.13	0.4	mg/100mL	
12. Histidine <i>Histidine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	99	0.3	0.8	mg/100mL	
13. Isoleucine <i>Isoleucine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	202	0.2	0.7	mg/100mL	
14. Leucine <i>Leucine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	350	0.2	0.7	mg/100mL	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001225362

Page N° 3/10

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
15. Lysine <i>Lysine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	319	0.5	1.5	mg/100mL	
16. Methionine <i>Methionine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	84	0.25	0.75	mg/100mL	
17. Phenylalanine <i>Phenylalanine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	198	0.6	1.7	mg/100mL	
18. Proline <i>Proline</i>	LFOD-TST-SOP-8512	352	0.8	2.3	mg/100mL	
19. Serine <i>Serine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	249	0.2	0.5	mg/100mL	
20. Threonine <i>Threonine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	184	0.2	0.6	mg/100mL	
21. Tyrosine <i>Tyrosine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	151	0.6	1.8	mg/100mL	
22. Valine <i>Valine</i>	LFOD-TST-SOP-8512	249	0.2	0.6	mg/100mL	
23. Tryptophan <i>Tryptophan</i>	AOAC 2017.03	75	0.1	0.3	mg/100mL	
24. Fat <i>Béo</i>	ISO 8262-3:2005 (IDF 124-3:2005)	3.5	0.13	0.44	g/100mL	
25. Polyunsaturated fatty acids (PUFA) <i>Hàm lượng axit béo không bão hòa đa (PUFA)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	272.5	0.1	0.3	mg/100mL	
26. Monounsaturated fatty acids (MUFA) <i>Hàm lượng axit béo không bão hòa đơn (MUFA)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	1082.9	0.1	0.3	mg/100mL	
27. Omega-3 (sum of C18:3 n-3, C18:4 n-3, C20:3 n-3, C20:4 n-3, C20:5 n-3, C21:5 n-3, C22:5 n-3, and C22:6 n-3) <i>Omega-3 (tổng của C18:3 n-3, C18:4 n-3, C20:3 n-3, C20:4 n-3, C20:5 n-3, C21:5 n-3, C22:5 n-3 và C22:6 n-3)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	26.6	0.1	0.3	mg/100mL	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
 of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
 this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
 at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
 Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
 to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
 documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
 appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
 extent of the law.



Report N°: 0001225362

Page N° 4/10

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
28. Omega-6 (sum of C18:1 n-6, C18:2 n-6, C18:3 n-6, C20:2 n-6, C20:3 n-6, C20:4 n-6, C22:2 n-6, C22:3 n-6, C22:4 n-6, and C22:5 n-6) <i>Omega-6 (tổng của C18:1 n-6, C18:2 n-6, C18:3 n-6, C20:2 n-6, C20:3 n-6, C20:4 n-6, C22:2 n-6, C22:3 n-6, C22:4 n-6 và C22:5 n-6)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	247.7	0.1	0.3	mg/100mL	
29. Omega-9 (sum of C16:1 n-9, C18:1 n-9, C20:1 n-9, C22:1 n-9, and C24:1 n-9) <i>Omega-9 (tổng của C16:1 n-9, C18:1 n-9, C20:1 n-9, C22:1 n-9 và C24:1 n-9)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	1012.4	0.1	0.3	mg/100mL	
30. C18:3 n-3 (Linolenic acid) <i>C18:3 n-3 (Axít Linolenic)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	23.0	0.1	0.3	mg/100mL	
31. C18:2 n-6 (Linoleic acid) <i>C18:2 n-6 (Axít Linoleic)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	243.8	0.1	0.3	mg/100mL	
32. Vitamin A (determined and expressed as retinol) <i>Vitamin A (xác định và thể hiện dưới dạng retinol)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	537	67	167	IU/100mL	
33. Vitamin A (determined and expressed as retinol) <i>Vitamin A (xác định và thể hiện dưới dạng retinol)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	0.00016	0.00002	0.00005	g/100mL	
34. Vitamin B1 (thiamin) <i>Vitamin B1 (thiamin)</i>	LFOD-TST-SOP-8575	405	3	10	µg/100mL	
35. Vitamin B2 (riboflavin) <i>Vitamin B2 (riboflavin)</i>	LFOD-TST-SOP-8575	394	3	10	µg/100mL	
36. Vitamin B3 (Niacin) (sum of nicotinic acid and nicotinamide, expressed as Nicotinic acid) <i>Vitamin B3 (Niacin) (tổng của axít nicotinic và nicotinamide, quy về axít Nicotinic)</i>	LFOD-TST-SOP-8575	2843	_(a)	_(a)	µg/100mL	
37. Nicotinic acid <i>Axít nicotinic</i>	LFOD-TST-SOP-8575	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	30	100	µg/100mL	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001225362

Page N° 5/10

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
38. Nicotinamide <i>Nicotinamide</i>	LFOD-TST-SOP-8575	2820	30	100	µg/100mL	
39. Vitamin B6 (sum of pyridoxine, pyridoxal, pyridoxamine, expressed as Pyridoxine) <i>Vitamin B6 (tổng của pyridoxine, pyridoxal, pyridoxamine, quy về Pyridoxine)</i>	LFOD-TST-SOP-8575	333	_(a)	_(a)	µg/100mL	
40. Pyridoxal <i>Pyridoxal</i>	LFOD-TST-SOP-8575	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	3	10	µg/100mL	
41. Pyridoxine <i>Pyridoxine</i>	LFOD-TST-SOP-8575	333	3	10	µg/100mL	
42. Pyridoxamine <i>Pyridoxamine</i>	LFOD-TST-SOP-8575	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	3	10	µg/100mL	
43. Vitamin B5 (total as Pantothenic acid) <i>Vitamin B5 (tổng quy về axit Pantothenic)</i>	ISO 20639:2015	1632	20	50	µg/100mL	
44. Folic acid (PteGlu) <i>Axit folic (PteGlu)</i>	LFOD-TST-SOP-8454	46	1	3	µg/100mL	
45. Vitamin B12 (Cyanocobalamin) <i>Vitamin B12 (Cyanocobalamin)</i>	ISO 20634:2015	1.2	0.05	0.15	µg/100mL	
46. Vitamin C (sum of L-ascorbic acid, it salts and dehydroascorbic acid) <i>Vitamin C (tổng của axit L-ascorbic, các dạng muối và axit dehydroascorbic)</i>	ISO 20635:2018	44	2	5	mg/100mL	
47. Vitamin D (sum of vitamin D2 and vitamin D3) <i>Vitamin D (tổng của vitamin D2 và vitamin D3)</i>	ISO 20636:2018	4.6	_(a)	_(a)	µg/100mL	
48. Vitamin D2 (ergocalciferol) <i>Vitamin D2 (ergocalciferol)</i>	ISO 20636:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/100mL	
49. Vitamin D3 (cholecalciferol) <i>Vitamin D3 (cholecalciferol)</i>	ISO 20636:2018	4.6	0.1	0.3	µg/100mL	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 ☎(84-28) 3935 1920 ☎(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein. This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
50. Vitamin D (sum of vitamin D2 and vitamin D3) <i>Vitamin D (tổng của vitamin D2 và vitamin D3)</i>	ISO 20636:2018	184	_(a)	_(a)	IU/100mL	
51. Vitamin D2 (ergocalciferol) <i>Vitamin D2 (ergocalciferol)</i>	ISO 20636:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	4	12	IU/100mL	
52. Vitamin D3 (cholecalciferol) <i>Vitamin D3 (cholecalciferol)</i>	ISO 20636:2018	184	4	12	IU/100mL	
53. Total tocopherols (sum of α , β , γ , and δ -tocopherol) <i>Tocopherols tổng (tổng của α, β, γ và δ-tocopherol)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	5.0	_(a)	_(a)	mg/100mL	
54. α -Tocopherol <i>α-Tocopherol</i>	LFOD-TST-SOP-8596	2.6	0.05	0.15	mg/100mL	
55. β -Tocopherol <i>β-Tocopherol</i>	LFOD-TST-SOP-8596	<0.15	0.05	0.15	mg/100mL	
56. δ -Tocopherol <i>δ-Tocopherol</i>	LFOD-TST-SOP-8596	0.52	0.05	0.15	mg/100mL	
57. γ -Tocopherol <i>γ-Tocopherol</i>	LFOD-TST-SOP-8596	1.8	0.05	0.15	mg/100mL	
58. Vitamin E (as α -Tocopherol) <i>Vitamin E (tính theo α-Tocopherol)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	2.6	0.05	0.15	mg/100mL	
59. Vitamin E (as α -Tocopherol (synthetic) label claim) <i>Vitamin E (tính theo α-Tocopherol (tổng hợp) công bố trên nhãn)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	1.3	0.025	0.075	mg/100mL	
60. Vitamin E (sum of α , β , γ , and δ -tocopherol as α -TE) (synthetic) <i>Vitamin E (tổng của α, β, γ, và δ-tocopherol quy về α-TE) (tổng hợp)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	2.2	_(a)	_(a)	mg/100mL	
61. Vitamin E (as α -Tocopherol (synthetic) label claim) <i>Vitamin E (tính theo α-Tocopherol (tổng hợp) công bố trên nhãn)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	3.0	0.056	0.17	IU/100mL	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001225362

Page N° 7/10

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
62. Vitamin E (as α -Tocopherol (natural) label claim) <i>Vitamin E (tính theo α-Tocopherol (tự nhiên) công bố trên nhãn)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	2.6	0.05	0.15	mg/100mL	
63. Vitamin E (sum of α , β , γ , and δ -tocopherol as α -TE) (natural) <i>Vitamin E (tổng của α, β, γ và δ-tocopherol quy về α-TE) (tự nhiên)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	2.9	_(a)	_(a)	mg/100mL	
64. Vitamin E (as α -Tocopherol (natural) label claim) <i>Vitamin E (tính theo α-Tocopherol (tự nhiên) công bố trên nhãn)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	4.0	0.075	0.22	IU/100mL	
65. Vitamin K1 (total cis and trans isomers) <i>Vitamin K1 (tổng đồng phân cis và trans)</i>	LFOD-TST-SOP-8555	5.4	0.2	0.5	μ g/100mL	
66. Vitamin K1 (trans) <i>Vitamin K1 (trans)</i>	LFOD-TST-SOP-8555	5.4	0.2	0.5	μ g/100mL	
67. Vitamin H (total Biotin) <i>Vitamin H (tổng Biotin)</i>	ISO 23305:2020	17	0.3	1	μ g/100mL	
68. Sodium (Na) <i>Natri</i>	ISO 15151:2018 (IDF 229:2018)	80	5	10	mg/100mL	
69. Potassium (K) <i>Kali</i>	ISO 15151:2018 (IDF 229:2018)	119	5	10	mg/100mL	
70. Calcium (Ca) <i>Canxi</i>	ISO 15151:2018 (IDF 229:2018)	174	10	20	mg/100mL	
71. Phosphorus (P) <i>Photpho</i>	ISO 15151:2018 (IDF 229:2018)	129	7.5	15	mg/100mL	
72. Magnesium (Mg) <i>Magie</i>	ISO 15151:2018 (IDF 229:2018)	9.8	1.5	3	mg/100mL	
73. Zinc (Zn) <i>Kẽm</i>	ISO 15151:2018 (IDF 229:2018)	1.6	0.1	0.2	mg/100mL	
74. Manganese (Mn) <i>Mangan</i>	ISO 15151:2018 (IDF 229:2018)	143	25	50	μ g/100mL	
75. Copper (Cu) <i>Đồng</i>	ISO 15151:2018 (IDF 229:2018)	62	25	50	μ g/100mL	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
76. Selenium (Se) <i>Selen</i>	ISO 21424:2018 (IDF 243:2018)	11	1.5	3	µg/100g	
77. Molybdenum (Mo) <i>Molybden</i>	ISO 21424:2018 (IDF 243:2018)	6.1	1	2	µg/100mL	
78. Iodine (I) <i>I-ốt</i>	EN 15111:2007	55	2.5	5	µg/100mL	

Notes/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOCS (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOCS (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (2) Including digestible starch, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose and 40 % of lactulose. It does not include polyols, melibiose, rhamnase, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose and allulose.
(2) Bao gồm tinh bột tiêu hóa, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose và 40 % lactulose. Không bao gồm polyols, melibiose, rhamnase, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose và allulose.
- (VN) Carbohydrate (not including dietary fiber) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).
(VN) Hệ số của carbohydrate (không bao gồm xơ): 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.
- LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

For D-Tocopherol (natural), Vitamin E can be expressed as below:

- Vitamin E (as α-Tocopherol (natural) label claim): 1 mg vitamin E (as α-Tocopherol) label claim = 1 mg of natural D-α-Tocopherol.
- Vitamin E (expressed in α-Tocopherol equivalent) (mg/100g) = α-Tocopherol (mg/100g) + 0.5 β-Tocopherol (mg/100g) + 0.1 γ-Tocopherol (mg/100g) + 0.03 δ-Tocopherol (mg/100g).

Với D-Tocopherol (tự nhiên), Vitamin E có thể được quy về như sau:

- Vitamin E (tính theo α-Tocopherol (tự nhiên) công bố trên nhãn): 1 mg vitamin E (tính theo α-Tocopherol) công bố trên nhãn = 1 mg D-α-Tocopherol tự nhiên.
- Vitamin E (quy về α-Tocopherol tương đương) (mg/100g) = α-Tocopherol (mg/100g) + 0.5 β-Tocopherol (mg/100g) + 0.1 γ-Tocopherol (mg/100g) + 0.03 δ-Tocopherol (mg/100g).

For D,L-Tocopherol (synthetic), Vitamin E can be expressed as below:

- Vitamin E (as α-Tocopherol (synthetic) label claim): 1 mg vitamin E (as α-tocopherol) label claim = 2 mg of synthetic D,L-α-Tocopherol.
- Vitamin E (expressed in α-Tocopherol equivalent) (mg/100g) = 0.74 α-Tocopherol (mg/100g) + 0.5 β-Tocopherol (mg/100g) + 0.1 γ-Tocopherol (mg/100g) + 0.03 δ-Tocopherol (mg/100g).

Với D,L-Tocopherol (tổng hợp), Vitamin E có thể được quy về như sau:

- Vitamin E (tính theo α-Tocopherol (tổng hợp) công bố trên nhãn): 1 mg vitamin E (tính theo α-Tocopherol) công bố trên nhãn = 2 mg D,L-α-Tocopherol tổng hợp.
- Vitamin E (quy về α-Tocopherol tương đương) (mg/100g) = 0.74 α-Tocopherol (mg/100g) + 0.5 β-Tocopherol (mg/100g) + 0.1 γ-Tocopherol (mg/100g) + 0.03 δ-Tocopherol (mg/100g).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/vn/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001225362

Page N° 10/10

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH



Nguyễn Thị Loan Phương
Trưởng phòng Thử nghiệm Hóa Ướt

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.